CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT

FPT DIGITAL JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 17.2019/FRT-FAF

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2019
TP.HCM, March 25th, 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Security Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: Công ty cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT/ *FPT Digital Retail Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán/*Security symbol*: FRT/*FRT*
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 261 – 263 Khánh Hội, phường 05, quận 04, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *261-263 Khanh Hoi Street, Ward 05, District 04, HCMC, Viet Nam*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028 7302 3456
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Vũ Thanh Huyền/ *Mrs Vu Thanh Huyen*
- Chức vụ/*Position*: Giám đốc tài chính/ *CFO*

Loại thông tin công bố : ☑ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
Information disclosure type: : ☑ *Periodic* ☐ *Irregular* ☐ *24 hours* ☐ *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure* (*):
Báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018 / *Audited Saperate and Consolidated Financial Statements for the year 2018*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/ 03/2019 tại đường dẫn :http://frt.vn

This information was disclosed on Company's Portal on March 25th, 2019 available at http://frt.vn

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation./.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Party authorized to disclose information

-Tài liệu đính kèm/*Attachment:*

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018/ *Audited Financial Statemets for the year 2018*

Nơi nhận/*Recipent*:

- Như trên/ *As above*;
- Lưu/ *Achieved by*: VT, FAF/ *Admin, FAF*

M.S.D.N: 0311869355 CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN BẠCH ĐIỆP

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Bạch Điệp	Chủ tịch
Bà Trịnh Hoa Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Phương	Thành viên
Ông Lê Hồng Việt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Bạch Điệp	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Hoa Giang	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc thứ hai

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Bạch Điệp
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 6288 3568
Fax: +84 24 6288 5678
Website: www.deloitte.com/vn

Số: 700 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2019, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do có giao dịch hợp nhất phát sinh trong năm, do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất không có số liệu so sánh. Số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm nay được hợp nhất từ số liệu của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (Công ty mẹ) trong năm 2018 và số liệu của công ty con kể từ khi Công ty con này thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2019-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**4.815.269.284.036**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**948.378.394.826**
1.	Tiền	111		855.378.394.826
2.	Các khoản tương đương tiền	112		93.000.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**4.140.042.971**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.140.042.971
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**1.206.756.927.412**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	237.824.070.242
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	144.013.265.281
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	120.359.066.193
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	722.345.486.208
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(17.784.960.512)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**10**	**2.506.218.917.201**
1.	Hàng tồn kho	141		2.519.583.804.091
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.364.886.890)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**149.775.001.626**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	94.320.134.590
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.454.839.536
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	27.500
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**352.400.130.929**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**84.027.534.483**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	84.027.534.483
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**45.591.818.347**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.154.076.518
	- Nguyên giá	*222*		*9.344.459.141*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(4.190.382.623)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	40.437.741.829
	- Nguyên giá	*228*		*44.481.737.990*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(4.043.996.161)*
III.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**222.780.778.099**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	222.780.778.099
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**5.167.669.414.965**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**4.008.902.282.342**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**4.008.902.282.342**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	705.892.254.385
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.917.697.969
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	24.449.995.872
4.	Phải trả người lao động	314		1.115.924.887
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	157.056.851.165
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	17	146.801.625.616
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2.947.271.984.607
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.395.947.841
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**1.158.767.132.623**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**19**	**1.158.767.132.623**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		680.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*680.000.000.000*
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		453.783.369.452
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*116.454.372.696*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*337.328.996.756*
3.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.983.763.171
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**5.167.669.414.965**

M.S.D.N: 0311609355 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
QUẬN 4 - T.P HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Ngọc Anh	**Vũ Thanh Huyền**	**Nguyễn Bạch Điệp**
Người lập biểu/	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**
Kế toán trưởng		

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**22**	**15.889.645.872.798**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	591.311.306.900
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**	**22**	**15.298.334.565.898**
4.	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	13.254.725.142.547
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**2.043.609.423.351**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	42.866.217.249
7.	Chi phí tài chính	22	26	100.572.817.952
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*95.670.507.863*
8.	Chi phí bán hàng	25	27	1.296.274.813.568
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	286.839.549.948
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	**30**		**402.788.459.132**
11.	Thu nhập khác	31		34.150.544.259
12.	Chi phí khác	32		2.163.805.024
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**31.986.739.235**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**434.775.198.367**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	87.028.076.358
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**347.747.122.009**
16.1	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ*	*61*		*347.763.358.838*
16.2	*(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát*	*62*		*(16.236.829)*
17.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**29**	**4.961**

Phạm Thị Ngọc Anh	**Vũ Thanh Huyền**	**Nguyễn Bạch Điệp**
Người lập biểu/	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**
Kế toán trưởng		

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***434.775.198.367***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***		
	Khấu hao tài sản cố định	02	781.002.276
	Các khoản dự phòng	03	14.477.629.465
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.380.950.000)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.946.487.598)
	Chi phí lãi vay	06	95.670.507.863
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***522.376.900.373***
	(Tăng) các khoản phải thu	09	(60.063.346.100)
	(Tăng) hàng tồn kho	10	(790.234.430.865)
	(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(849.889.822.830)
	(Tăng) chi phí trả trước	12	(17.223.193.362)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(90.618.315.335)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(92.733.427.092)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.350.581.050)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(1.386.736.216.261)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(74.372.727)
2.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(124.499.109.164)
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.961.655.437
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(104.611.826.454)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.000.000.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33	8.665.290.182.642
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.888.639.840.795)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***1.801.650.341.847***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**310.302.299.132**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**638.076.095.694**
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	**948.378.394.826**

Phạm Thị Ngọc Anh	**Vũ Thanh Huyền**	**Nguyễn Bạch Điệp**
Người lập biểu/	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**
Kế toán trưởng		

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311609355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2012 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.656 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Quảng cáo;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Dịch vụ thông tin khác: dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ đổi dữ liệu điện tử;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Buôn bán thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sinh phẩm bảo quản điều kiện thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập công ty con là Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2018-NQHĐQT/GV/FRT.JSC ngày 13 tháng 9 năm 2018.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty có địa chỉ tại số 261 - 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có chi nhánh tại 62 tỉnh, thành phố trên cả nước và 01 công ty con như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	Thành phố Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh dược phẩm

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do có giao dịch hợp nhất phát sinh trong năm, do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất không có số liệu so sánh. Số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm nay được hợp nhất từ số liệu của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT ("Công ty mẹ") trong năm 2018 và số liệu của công ty con từ khi công ty con thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị ghi sổ tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm nay
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	3 -5
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn và không thực hiện trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính từ 3 - 5 năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Trong năm 2018, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa cơ sở tính thuế thu nhập và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm
	VND
Tiền mặt	177.384.373.290
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	669.689.435.883
Tiền đang chuyển	8.304.585.653
Các khoản tương đương tiền (i)	93.000.000.000
	948.378.394.826

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 5,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm
	VND
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	4.126.610.101
Các khoản phải thu khách hàng khác	233.697.460.141
	237.824.070.242
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	**1.552.434.000**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm
	VND
Công ty TNHH MTV Tân MTV	122.983.365.255
Các đối tượng khác	21.029.900.026
	144.013.265.281

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản tiền cho các nhân viên trong Công ty vay với thời hạn dưới 01 năm với lãi suất cho vay 4%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND
a. Ngắn hạn	
- Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp (i)	374.777.968.319
- Dự thu lãi tiền gửi	8.683.423.083
- Phải thu người lao động	2.618.141.784
- Ký cược, ký quỹ (ii)	257.744.072.917
- Phải thu theo chương trình bán hàng (iii)	76.931.858.070
- Phải thu khác	1.590.022.035
	722.345.486.208
b. Dài hạn	
- Ký cược, ký quỹ	84.027.534.483
	806.373.020.691

(i) Phản ánh khoản phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp để thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mại cho các đại lý mà nhà cung cấp cam kết tài trợ.

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 01 năm bằng VND được cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi hoặc bảo lãnh thanh toán.

(iii) Phản ánh các khoản phải thu theo chương trình trợ giá điện thoại về gói cước áp dụng với các nhà mạng Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Vietnamobile và Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Mobifone.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Đối tượng nợ
Công ty TNHH Digital Town City Center	4.191.029.259	-	Trên 3 năm
Khác	22.239.881.604	15.567.917.123	Trên 6 tháng
Khác	13.797.689.776	6.898.844.888	Trên 1 năm đến 2 năm
Khác	33.031.263	9.909.379	Trên 2 năm đến 3 năm
	40.261.631.902	**22.476.671.390**	

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng (*)
Hàng mua đang đi đường	4.536.530.042	-
Công cụ, dụng cụ	7.872.081.241	-
Hàng hoá	2.507.175.192.808	(13.364.886.890)
	2.519.583.804.091	**(13.364.886.890)**

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm
	VND
a. Ngắn hạn	
Chi phí thuê nhà	90.090.907.031
Chi phí bảo lãnh thanh toán	2.038.738.106
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.190.489.453
	94.320.134.590
b. Dài hạn	
Chi phí thiết lập ban đầu các cửa hàng	216.222.745.252
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.558.032.847
	222.780.778.099

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.619.723.333	4.340.015.945	363.173.201	9.322.912.479
Tăng trong năm	-	74.372.727	-	74.372.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.430.686)	-	(20.430.686)
Giảm khác	-	(32.395.379)	-	(32.395.379)
Số dư cuối năm	**4.619.723.333**	**4.361.562.607**	**363.173.201**	**9.344.459.141**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	7.843.333	3.527.212.255	299.960.777	3.835.016.365
Khấu hao trong năm	82.254.270	259.372.931	34.169.743	375.796.944
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.430.686)	-	(20.430.686)
Số dư cuối năm	**90.097.603**	**3.766.154.500**	**334.130.520**	**4.190.382.623**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**-**	**-**	**-**	**-**
Tại ngày cuối năm	**4.529.625.730**	**595.408.107**	**29.042.681**	**5.154.076.518**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.480.391.375 VND.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	40.294.000.000	4.187.737.990	44.481.737.990
Số dư cuối năm	**40.294.000.000**	**4.187.737.990**	**44.481.737.990**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	3.638.790.829	3.638.790.829
Khấu hao trong năm	-	405.205.332	405.205.332
Số dư cuối năm	**-**	**4.043.996.161**	**4.043.996.161**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**-**	**-**	**-**
Tại ngày cuối năm	**40.294.000.000**	**143.741.829**	**40.437.741.829**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	
	VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	34.958.462.014	34.958.462.014
Công ty TNHH Apple Việt Nam	264.273.844.320	264.273.844.320
Công ty Cổ phần Synnex FPT	26.458.779.041	26.458.779.041
Các đối tượng khác	380.201.169.010	380.201.169.010
Cộng	**705.892.254.385**	**705.892.254.385**
Phải trả các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	**4.639.029.453**	

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải thu/(Phải trả) do hợp nhất	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu					
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.500	-	-	27.500
	-			**-**	**27.500**
		27.500	**-**		
b. Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.554.776.860.254	2.551.099.593.253	3.677.267.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(25.880.128.524)	87.028.076.358	92.733.427.092	20.174.777.790
Thuế thu nhập cá nhân	-	(555.166.735)	15.075.503.920	15.032.719.574	597.951.081
Thuế khác	-	-	2.111.438.471	2.111.438.471	-
	-	**(26.435.295.259)**	**2.658.991.879.003**	**2.660.977.178.390**	**24.449.995.872**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm
	VND
Tiền lương kinh doanh	106.360.492.927
Trích trước giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	10.927.076.223
Trích trước chi phí hỗ trợ trả góp	12.006.023.568
Chi phí lãi vay phải trả	8.946.634.405
Các khoản chi phí phải trả khác	18.816.624.042
	157.056.851.165

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm
	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	56.207.431
Kinh phí công đoàn	4.052.013.031
Phải trả tiền thu hộ đối tác	142.114.384.017
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	*597.189.068*
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng đồng Việt	*132.798.644.575*
- Đối tác khác	*8.718.550.374*
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	579.021.137
	146.801.625.616

Phải trả khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31) **597.189.068**

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	VND			VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng HSBC Hong Kong	-	-	-	974.492.650.000	66.775.400.000	907.717.250.000	907.717.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	1.850.357.999.962	1.318.353.859.355	532.004.140.607	532.004.140.607
Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	-	455.700.000.000	1.853.112.500.000	1.812.812.500.000	496.000.000.000	496.000.000.000
Ngân hàng ANZ Việt Nam	-	-	70.500.000.000	1.952.727.870.000	1.609.227.870.000	414.000.000.000	414.000.000.000
Ngân hàng Citibank Việt Nam	-	-	258.729.292.760	628.200.000.000	601.029.292.760	285.900.000.000	285.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	-	297.917.662.680	62.055.068.680	235.862.594.000	235.862.594.000
Ngân hàng Standard Chartered Singapore	-	-	-	271.401.500.000	215.613.500.000	55.788.000.000	55.788.000.000
Công ty Cổ phần FPT	-	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	-	-	388.073.300.000	779.800.000.000	1.167.873.300.000	-	-
Ngân hàng Standard Chartered MU	-	-	-	37.280.000.000	37.280.000.000	-	-
	-	**-**	**1.173.002.592.760**	**8.665.290.182.642**	**6.891.020.790.795**	**2.947.271.984.607**	**2.947.271.984.607**

Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được thực hiện dưới hình thức tín chấp trong thời hạn nhỏ hơn 01 năm và lãi suất được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Các khoản vay bằng USD có lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,8%/năm, các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,3%/năm.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	**-**	**-**	-	**-**	-
Tăng do hợp nhất	400.000.000.000	-	396.454.372.696	25.000.000.000	821.454.372.696
Lợi nhuận trong năm	-	-	347.763.358.838	(16.236.829)	347.747.122.009
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	280.000.000.000	-	(280.000.000.000)	-	-
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	(10.434.362.082)	-	(10.434.362.082)
Số dư cuối năm nay	**680.000.000.000**	**-**	**453.783.369.452**	**24.983.763.171**	**1.158.767.132.623**

(i) Nghị quyết số 2803/2018-NQ/ĐHCĐTN/FRT.JSC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tới cuối năm trước với tỷ lệ 70% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

(ii) Theo Quyết định số 935/QĐ-FRT-FHO của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với tỷ lệ là 3%, tương đương với số tiền 10.434.362.082 VND. Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cuối cùng sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0311609355 cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 47 ngày 20 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 680.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Số cuối năm
	VND
Công ty Cổ phần FPT	319.600.000.000
VOF Investment Limited	5.012.196.000
Các cổ đông khác	355.387.804.000
	680.000.000.000

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm
	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng	
+ Cổ phiếu phổ thông	68.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành	
+ Cổ phiếu phổ thông	68.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ	
+ Cổ phiếu phổ thông	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm
	Đô la Mỹ
Ngoại tệ	
Đô la Mỹ (USD)	*701.839*

Chứng thư bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Ngân hàng HSBC Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam đã phát hành các chứng thư bảo lãnh thanh toán cho các đối tác của Công ty. Số dư bảo lãnh của các chứng thư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Ngân hàng	Đồng Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	27.000.000.000
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	300.000.000.000
Ngân hàng HSBC Việt Nam	290.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	7.000.000.000

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty và công ty con không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Xét theo khía cạnh rủi ro và lợi ích kinh tế thu được, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá rằng Công ty và công ty con hoạt động trong hai bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện, phụ kiện có liên quan và dược phẩm.

Chỉ tiêu	Thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện có liên quan VND	Dược phẩm VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu theo bộ phận				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	15.298.334.565.898	-	-	15.298.334.565.898
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	23.064.545	-	(23.064.545)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	**15.298.357.630.443**	**-**	**(23.064.545)**	**15.298.334.565.898**
Chi phí theo bộ phận				
Chi phí giá vốn phân bổ trực tiếp theo bộ phận	13.254.748.207.092	-	(23.064.545)	13.254.725.142.547
Chi phí hoạt động phân bổ trực tiếp theo bộ phận	1.582.383.518.321	730.845.195	-	1.583.114.363.516
Tổng chi phí	**14.837.131.725.413**	**730.845.195**	**(23.064.545)**	**14.837.839.506.063**
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	**461.225.905.030**	**(730.845.195)**	**-**	**460.495.059.835**
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	**434.840.145.684**	**(64.947.317)**	**-**	**434.775.198.367**
Tài sản bộ phận	**5.158.052.059.805**	**105.063.357.500**	**(95.446.002.340)**	**5.167.669.414.965**
Nợ phải trả bộ phận	**4.024.219.979.865**	**5.128.304.817**	**(20.446.002.340)**	**4.008.902.282.342**

22. DOANH THU

	Năm nay VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Trong đó:	
- Doanh thu bán hàng	15.747.480.005.667
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.165.867.131
	15.889.645.872.798
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	**19.648.104.045**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**591.311.306.900**
- Hàng bán bị trả lại	591.311.306.900
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**15.298.334.565.898**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND
Giá vốn của hàng hóa	13.237.102.482.090
Giá vốn của dịch vụ	10.129.573.190
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.493.087.267
	13.254.725.142.547

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND
Chi phí mua hàng	12.564.246.386.452
Chi phí nhân công	647.727.474.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	781.002.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.610.607.013.484
Trích lập dự phòng	14.477.629.465
	14.837.839.506.063

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.946.487.598
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.808.570.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	19.111.159.651
	42.866.217.249

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND
Chi phí lãi vay	95.670.507.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.902.310.089
	100.572.817.952

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	166.372.687.692
Chi phí khác	120.466.862.256
	286.839.549.948
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	481.354.786.694
Chi phí thuê cửa hàng	324.226.823.624
Chi phí bán hàng khác	490.693.203.250
	1.296.274.813.568

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	87.028.076.358
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**87.028.076.358**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND
Lợi nhuận trước thuế	**434.775.198.367**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	365.183.425
Cộng: Các chi phí không chịu thuế	*300.236.108*
Cộng: Lỗ của Công ty con	*64.947.317*
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	435.140.381.792
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	435.140.381.792
Thuế suất thông thường	**20%**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**87.028.076.358**

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	Năm nay VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	VND	347.763.358.838
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND	(10.434.362.082)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	337.328.996.756
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	68.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	**4.961**

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	341.267.137.030

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng làm việc và các cửa hàng kinh doanh của Công ty. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Số cuối năm VND
Từ 1 năm trở xuống	310.227.836.798
Trên 1 năm đến 5 năm	576.851.174.723
Trên 5 năm	5.318.000.000
	892.397.011.521

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FPT	Cổ đông lớn (Công ty là công ty liên kết của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Cùng chủ sở hữu (Công ty liên kết và công ty con của Công ty Cổ phần FPT)
Bà Nguyễn Bạch Diệp	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND
Bán hàng	
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	8.972.035.754
Công ty TNHH Phần mềm FPT	3.572.255.137
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	5.794.803.872
Công ty Cổ phần FPT	1.309.009.282
	19.648.104.045
Mua hàng	
Công ty Cổ phần FPT	6.625.519.356
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	25.555.420.433
Công ty TNHH Phần mềm FPT	240.625.000
	32.421.564.789
Doanh thu lãi đầu tư	
Công ty Cổ phần FPT	147.701.046
	147.701.046
Thu hồi khoản cho vay	
Bà Nguyễn Bạch Diệp	70.859.066.193
	70.859.066.193
Đi vay	
Công ty Cổ phần FPT	20.000.000.000
	20.000.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	742.250.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	150.254.000
Công ty TNHH Phần mềm FPT	82.440.000
Công ty Cổ phần FPT	577.490.000
	1.552.434.000
Phải trả người bán ngắn hạn	
Công ty TNHH Phần mềm FPT	562.500.000
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	1.377.538.817
Công ty Cổ phần FPT	2.698.990.636
	4.639.029.453
Phải trả khác	
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	597.189.068
	597.189.068

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.697.500.000
	2.697.500.000

M.S.D.N: 0311609355 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT
QUẬN 4 - T.P HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Ngọc Anh	**Vũ Thanh Huyền**	**Nguyễn Bạch Điệp**
Người lập biểu/	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**
Kế toán trưởng		

Ngày 21 tháng 3 năm 2019